BỘ TÀI CHÍNH - BỘ LAO ĐỘNG- THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 86/2008/TTLT-BTC - BLĐTBXH	*Hà Nội, ngày 6 tháng 10 năm 2008*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn quản lý và sử dụng nguồn kinh phí thực hiện Quyết định số 19/2004/QĐ-TTg ngày 12/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm giai đoạn 2004-2010

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 19/2004/QĐ-TTg ngày 12/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm giai đoạn 2004-2010 (sau đây gọi là Chương trình 19);

Liên Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí thực hiện Chương trình 19 như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Chương trình 19 được triển khai thực hiện thông qua bốn Đề án quy định tại khoản 4, Điều 1 Quyết định số 19/2004/QĐ-TTg ngày 12/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ; cụ thể như sau:

- Đề án Truyền thông, vận động và nâng cao năng lực quản lý;

- Đề án Ngăn chặn và trợ giúp trẻ em lang thang kiếm sống;

- Đề án Ngăn chặn và giải quyết tình trạng trẻ em bị xâm phạm tình dục;

- Đề án Ngăn chặn và giải quyết tình trạng trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại và nguy hiểm;

2. Kinh phí thực hiện Chương trình 19 được bố trí trong dự toán chi ngân sách của các Bộ, ngành trung ương để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình do

trung ương quản lý và bổ sung có mục tiêu cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là tỉnh) để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình do địa phương quản lý.

3. Ngoài nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, các Bộ, ngành có liên quan và các địa phương chủ động bố trí kinh phí và huy động sự tài trợ của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động nhằm đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu của Chương trình.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Nội dung và mức chi cho các hoạt động của Chương trình 19:

1.1. Hoạt động truyền thông, vận động và nâng cao năng lực quản lý:

a) Chi hỗ trợ thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng như đài phát thanh, đài truyền hình, báo chí: thực hiện theo hình thức hợp đồng giữa cơ quan thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền và cơ quan phát thanh, truyền hình, báo chí. Việc lựa chọn hình thức truyền thông do cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền quyết định, đảm bảo phù hợp với từng địa phương và từng nhóm địa phương.

b) Chi hỗ trợ xây dựng, sản xuất, nhân bản và phát hành các loại sản phẩm truyền thông (không bao gồm các loại báo viết, tạp chí). Mức chi theo sản phẩm thực tế phù hợp với giá cả trên thị trường;

c) Chi hỗ trợ cho các hoạt động truyền thông tại xã trọng điểm để chi cho các nội dung sau:

- Truyền thanh xã (biên tập, phát thanh);
- Nói chuyện chuyên đề;
- Chi bồi dưỡng cán bộ trực tiếp tham gia hoạt động tuyên truyền;
- Nước uống nhóm tư vấn nhỏ (kể cả đối tượng tham dự và tư vấn);
- Sửa chữa băng rôn, khẩu hiệu;
- Chi phí trang trí và thuê phương tiện vận chuyển (nếu có).

Mức hỗ trợ, số lượng xã trọng điểm do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với dự toán được giao và điều kiện của từng xã; tập trung vào những vùng trọng điểm, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

d) Chi tổ chức các cuộc thi tuyên truyền về ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm do Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phê duyệt (đối với cuộc thi do Trung ương tổ chức) và do Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phê duyệt (đối với cuộc thi

do địa phương tổ chức), bao gồm các nội dung chi sau:

- Biên soạn đề thi và đáp án (bao gồm cả biểu điểm): tối đa không quá 500.000 đồng/đề thi và đáp án;

- Bồi dưỡng chấm thi, Ban giám khảo cuộc thi, xét công bố kết quả thi: tối đa không quá 200.000 đồng/người/ngày.

- Bồi dưỡng thành viên Ban tổ chức: tối đa không quá 150.000 đồng/người/ngày;

- Giải thưởng:

+ Giải tập thể: từ 200.000 đồng/giải thưởng đến 2.000.000 đồng/giải thưởng.

+ Giải cá nhân: từ 100.000 đồng/giải thưởng đến 1.000.000 đồng/giải thưởng.

Tuỳ theo quy mô tổ chức cuộc thi (cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện), Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức cuộc thi quyết định số lượng giải thưởng và mức chi cho từng giải thưởng cụ thể trong khung mức chi nêu trên và trong phạm vi dự toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao.

- Các khoản chi khác phục vụ cuộc thi (nếu có) như: thuê sân khấu, âm thanh, ánh sáng, đạo cụ, trang trí; bồi dưỡng cho người phục vụ, người dẫn chương trình (MC); chi hỗ trợ tiền tàu xe, tiền ăn, thuê phòng nghỉ cho người dự thi ở xa nơi tổ chức; chi văn phòng phẩm; xăng xe hoặc thuê phương tiện vận chuyển,... Mức chi thực hiện theo chế độ hiện hành của Nhà nước. Trường hợp chưa có quy định mức chi, Thủ trưởng cơ quan tổ chức cuộc thi quyết định mức chi trong phạm vi dự toán được giao.

- Xây dựng báo cáo kết quả cuộc thi: mức chi đối với cấp Trung ương là 500.000 đồng/báo cáo, đối với cấp tỉnh là 300.000 đồng/báo cáo, đối với cấp huyện là 200.000 đồng/báo cáo, đối với cấp xã là 100.000 đồng/báo cáo.

đ) Chi hỗ trợ giải thưởng cho các sản phẩm truyền thông về ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định. Mức thưởng loại A: 500.000 đồng/sản phẩm; loại B: 300.000 đồng/sản phẩm; loại C: 200.000 đồng/sản phẩm.

e) Chi tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, hội nghị chuyên đề, giao ban, sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện các đề án: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21/3/2007 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 127/2007/TT-BTC ngày 31/10/2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2007/TT-

BTC ngày 21/3/2007 và Thông tư số 57/2007/TT-BTC ngày 11/6/2007 của Bộ Tài chính.

g) Chi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt: Nội dung và mức chi thực hiện theo Thông tư số 51/2008/TT-BTC ngày 16/6/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước. Riêng đối với cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã và cán bộ không chuyên trách ở xã, ở thôn thuộc các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo thì được cấp toàn bộ chi phí học tập, ăn ở, đi lại theo Điều 8 Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ về chế độ chính sách đối với cán bộ công chức ở xã, phường, thị trấn.

1.2. Hoạt động bảo vệ và trợ giúp trẻ em:

a) Chi hỗ trợ tiền tàu xe đưa các em trở về gia đình hoặc nơi cư trú và chi phí thuê mướn phương tiện vận chuyển (nếu có) để đưa các em về gia đình hoặc nơi cư trú. Mức chi theo giá cước vận tải thông thường tại địa phương hoặc chi phí xăng xe thực tế (nếu đơn vị tự bố trí phương tiện vận chuyển) hoặc hợp đồng thuê xe (nếu thuê ngoài).

b) Chi hỗ trợ tiền ăn cho các em:

- Tiền ăn trên đường trở về gia đình hoặc nơi cư trú: Mức hỗ trợ 25.000 đồng/em/ngày, tối đa không quá 3 ngày.

- Tiền ăn trong thời gian chữa trị tại các cơ sở y tế: Mức chi 25.000 đồng/em/ngày, thời gian hỗ trợ tối đa không quá 30 ngày.

- Trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm trong thời gian chờ đưa về gia đình hoặc nơi cư trú được đưa vào các cơ sở tập trung hoặc cơ sở bảo trợ xã hội nuôi dưỡng tạm thời được trợ cấp tiền ăn mức 15.000 đồng/em/ngày, thời gian tối đa không quá 30 ngày.

c) Chi hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn sau khi trở về gia đình hoặc nơi cư trú:

- Hỗ trợ giải quyết khó khăn đời sống trước mắt cho các em thuộc hộ nghèo (theo quy định về chuẩn nghèo do Thủ tướng Chính phủ quyết định): Mức hỗ trợ tối thiểu 240.000 đồng/em/tháng, thời gian tối đa không quá 03 tháng.

- Hỗ trợ một lần tiền mua sách giáo khoa và đồ dùng học tập trong trường hợp các em tiếp tục trở lại học phổ thông hoặc học bổ túc văn hoá: Mức chi 300.000 đồng/em.

- Trẻ em đủ 13 tuổi trở lên là đối tượng của đề án này có đủ sức khoẻ và có nhu cầu học nghề được cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội giới thiệu đến các cơ sở dạy nghề để học nghề ngắn hạn, được hỗ trợ kinh phí học nghề một lần. Thời gian hỗ trợ theo số tháng thực tế đào tạo của từng nghề nhưng tổng thời gian đào tạo không quá 9 tháng, với mức tối thiểu như sau:

+ Hỗ trợ cơ sở dạy nghề có trẻ em thuộc đối tượng của Đề án vào học nghề: 300.000 đồng/em/tháng.

+ Hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại của trẻ em: 240.000 đồng/em/tháng.

Việc chi hỗ trợ cho các em sau khi trở về gia đình hoặc nơi cư trú nêu trên chỉ thực hiện lần đầu, không giải quyết đối với trẻ em tái lang thang hoặc tái đi lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm. Trình tự, thủ tục chi hỗ trợ cho trẻ em được thực hiện theo quy định tại điểm 2, phần II Thông tư này.

d) Đối với trẻ em bị tai nạn lao động, hoặc bị xâm phạm tình dục, ngoài các khoản được hỗ trợ trên đây còn được xem xét hỗ trợ tiền thuốc và chi phí khám, chữa bệnh theo mức thu viện phí hiện hành của cơ sở khám, chữa bệnh công lập. Mức hỗ trợ tối đa 1.000.000 đồng/em (chỉ hỗ trợ một lần). Riêng đối với trẻ em dưới 6 tuổi được miễn toàn bộ kinh phí khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập theo quy định. Đối với trẻ em bị xâm phạm tình dục thuộc hộ gia đình nghèo được hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia tư vấn điều trị phục hồi các tổn thương về tâm lý, sức khoẻ 50.000 đồng/buổi (tối đa không quá 20 buổi).

đ) Đối với trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm mà mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc bị bỏ rơi, bị mất nguồn nuôi dưỡng; hoặc mồ côi cha hoặc mẹ, nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; hoặc có cha và mẹ, hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng; hoặc nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ gia đình nghèo được xem xét tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội để nuôi dưỡng theo quy định tại Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội.

1.3. Hoạt động quản lý, điều hành:

a) Chi điều tra, khảo sát theo nội dung của từng Đề án đã được phê duyệt, điều tra nhận thức về ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm: Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 120/2007/TT-BTC ngày 15/10/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách nhà nước.

b) Chi hỗ trợ để xây dựng thí điểm, duy trì và mở rộng các mô hình can thiệp, trợ giúp cho trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm ở các xã điểm theo quyết định phê duyệt của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh hoặc của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (đối với mô hình thực hiện thí điểm từ nguồn kinh phí bố trí trong dự toán của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

c) Chi các hoạt động tạo lập thông tin điện tử hoặc cơ sở dữ liệu: Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 137/2007/TT-BTC ngày 28/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử.

d) Chi hỗ trợ công tác phí cho cộng tác viên, tình nguyện viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước làm công tác tập hợp, tìm hiểu nguồn gốc và đưa trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm về cơ sở tập trung, cơ sở bảo trợ xã hội và trở về gia đình hoặc nơi thường trú. Riêng đối với cán bộ hưởng lương từ ngân sách nhà nước có tham gia các đợt công tác của Chương trình thì cơ quan chủ trì Chương trình có trách nhiệm chi trả chế độ công tác phí. Nội dung và mức chi theo chế độ công tác phí hiện hành.

đ) Chi viết, biên soạn tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của từng đề án: Mức chi tối đa không quá 50.000 đồng/trang tiêu chuẩn 300 từ.

e) Chi lập hồ sơ trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm: Mức chi 25.000 đồng/hồ sơ (bao gồm cả tiền chụp ảnh trẻ em).

g) Chi công tác kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các nội dung hoạt động của chương trình: Mức chi theo chế độ công tác phí hiện hành.

h) Chi hội thảo; hỗ trợ nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện chính sách bảo vệ và chăm sóc trẻ em. Nội dung và mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Trình tự, thủ tục chi hỗ trợ cho trẻ em:

2.1. Lập và bàn giao hồ sơ trẻ em:

- Hồ sơ trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm phải có ảnh trẻ em và ghi đầy đủ các nội dung theo đúng mẫu quy định (Phụ lục 01 đính kèm).

- Hồ sơ trẻ em do cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội (nơi trẻ em đến) lập và bàn giao cho cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội (nơi trẻ em đi) quản lý.

- Tại địa phương nơi trẻ em đến: cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức đưa các em trở về địa phương đảm bảo an toàn, nhanh gọn, đồng thời bàn giao hồ sơ trẻ em cho các cơ quan liên quan để theo dõi, quản lý.

- Tại địa phương nơi có trẻ em đi: cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổ chức đón các em, đưa các em trở về với gia đình hoặc nơi cư trú và thực hiện chính sách chi hỗ trợ cho trẻ em theo chế độ quy định.

- Khi trẻ em đã về gia đình nơi thường trú, hồ sơ được giao và lưu tại Uỷ ban nhân dân xã, phường nơi trẻ em thường trú.

2.2. Thủ tục chi hỗ trợ cho trẻ em:

Để được nhận các khoản hỗ trợ sau khi trở về gia đình hoặc nơi cư trú quy định tại tiết c điểm 1.2 khoản 1 Mục II Thông tư này, gia đình có trẻ em hoặc bản thân trẻ em đi lang thang, trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm phải làm đơn đề nghị và cam kết không tái đi lang thang hoặc lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm (mẫu đơn theo phụ lục 02 đính kèm). Đơn đề nghị có ý kiến xác nhận của trưởng thôn, bản hoặc tổ trưởng dân phố, gửi về Uỷ ban nhân dân cấp xã để xem xét và có ý kiến, gửi Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội giải quyết. Đối với các trường hợp trẻ em sống trong cơ sở bảo trợ xã hội thì Đơn đề nghị gửi đến Giám đốc cơ sở bảo trợ xã hội xem xét giải quyết theo các quy định tại Thông tư này và các văn bản hiện hành hướng dẫn thực hiện Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội.

Riêng đối với trẻ em bị xâm phạm tình dục không nhất thiết phải làm đơn, căn cứ hồ sơ trẻ em và xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội làm thủ tục trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện quyết định chi hỗ trợ cho trẻ em theo chế độ quy định.

3. Lập, phân bổ dự toán, quản lý, cấp phát và quyết toán kinh phí thực hiện chương trình:

3.1. Lập và phân bổ dự toán:

Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ, mục tiêu của Chương trình 19, tình hình thực hiện năm trước và khả năng ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính thông báo số kiểm tra kinh phí thực hiện Chương trình 19 cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Căn cứ vào số kiểm tra do Bộ Tài chính thông báo, tình hình thực hiện năm trước và mục tiêu, nhiệm vụ năm kế hoạch của Chương trình, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội lập dự toán và phương án phân bổ kinh phí chi tiết cho

từng Bộ, ngành và địa phương gửi Bộ Tài chính.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thống nhất phương án phân bổ kinh phí cho các Bộ, ngành và địa phương và tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ dự toán ngân sách trung ương trình Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội quyết định.

3.2. Quản lý, cấp phát và quyết toán:

Việc quản lý, cấp phát và quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình 19 được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp quy liên quan khác của Nhà nước. Các đơn vị sử dụng kinh phí của Chương trình 19 phải mở sổ sách kế toán để ghi chép, hạch toán và quyết toán nguồn kinh phí của chương trình cấp cho đơn vị theo quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hiện hành.

Đối với các hoạt động của Chương trình 19 do cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội ký hợp đồng với các cơ quan, đơn vị thực hiện thì chứng từ làm căn cứ thanh, quyết toán được lưu tại cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, gồm: Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (kèm theo dự toán chi tiết được cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt), biên bản nghiệm thu công việc, biên bản thanh lý hợp đồng, uỷ nhiệm chi hoặc phiếu chi và các tài liệu có liên quan khác; các hoá đơn, chứng từ chi tiêu cụ thể do cơ quan trực tiếp thực hiện lưu giữ theo quy định hiện hành. Cơ quan, đơn vị thực hiện hợp đồng có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 19 đã ký kết, trực tiếp sử dụng kinh phí theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành (không phải quyết toán với ngân sách cơ quan, đơn vị mình nhưng phải mở sổ kế toán riêng để theo dõi); ngay sau khi kết thúc hợp đồng, có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán số kinh phí được cấp theo quy định, gửi cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội. Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thanh lý hợp đồng, xét duyệt quyết toán và tổng hợp chung vào quyết toán của cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Báo cáo:

Định kỳ 6 tháng và cuối năm, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội có trách nhiệm báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình triển khai và kết quả thực hiện các đề án của Chương trình 19.

Trên cơ sở báo cáo của các địa phương, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội tổng hợp, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện Chương trình 19 để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư liên tịch số 16/2005/TTLT/BTC-UBDSGĐ &TE-BLĐTB&XH ngày 03/3/2005 của Bộ Tài chính - Ủy ban Dân số Gia đình và Trẻ em - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng nguồn kinh phí thực hiện Quyết định số 19/2004/QĐ-TTg ngày 12/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm giai đoạn 2004-2010.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG -THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI THỨ TRƯỞNG	KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH THỨ TRƯỞNG
Phùng Ngọc Hùng	**Phạm Sỹ Danh**

Nơi nhận:
- Ban Bí thư TW Đảng, Thủ tướng Chính phủ, các Phó TTCP;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước,
Sở LĐTBXH các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật-Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Website Chính phủ, Website Bộ Tài chính, Bộ LĐTBXH;
- Các đơn vị thuộc BTC, Bộ LĐTBXH;
- Lưu VT: BTC, BLĐTBXH.

Phụ lục 01

Ảnh trẻ em (4 x 6) (Đóng dấu giáp lai trên ảnh)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ TRẺ EM

Họ và tên trẻ em : .....Nam, hay nữ .....
.

Sinh ngày. . . .tháng. . . . . năm ..... Dân tộc: .....
. .

Nơi sinh: .....
. .

Quê quán: .....
. .

Họ và tên bố : ..... Nơi ở hiện nay:.....
.

. . . . . .
.

Họ và tên mẹ : .....Nơi ở hiện nay:.....
.

. . . . . .
.

Đối tượng trẻ em khi lập hồ sơ (Bỏ nhà đi lang thang, lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm, bị xâm phạm tình dục):

. . . . . .
.

Đã bỏ nhà đi lang thang, hoặc đi lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm, hoặc bị xâm phạm tình dục) lần thứ mấy: .....
. .

Hoàn cảnh trẻ em (Người nuôi dưỡng, có được đi học không, hiện đang học lớp mấy, tên trường học; thời gian, hoàn cảnh, tự nguyện hoặc do ai xúi dục, bị cưỡng ép, tình trạng sức khoẻ của trẻ em,.....):

. . . . . .
. .

. . . . . .
.

. . . . . .
.

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Nguyện vọng của trẻ em: . . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Ngày ..... tháng ..... năm.....

.....(Cơ quan, đơn vị lập hồ sơ trẻ em)

Người lập
(Ký và ghi rõ họ và tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 02

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHI HỖ TRỢ CHO TRẺ EM THUỘC CHƯƠNG TRÌNH 19
(Đối tượng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục, trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm)

Kính gửi: UBND xã, phường/Giám đốc Cơ sở BTXH.....

Tên em (hoặc con tôi) là: ..... Sinh ngày.....tháng .... năm ....

Nơi sinh: .....

Quê quán: .....

Họ và tên bố : ..... Nơi ở hiện nay: .....

.....

Họ và tên mẹ : .....Nơi ở hiện nay:.....

Hoàn cảnh hiện tại (lang thang kiếm sống, hoặc đi lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm, hoặc bị xâm phạm tình dục): .... Để giải quyết khó khăn trước mắt, đề nghị các cơ quan Nhà nước xem xét và giải quyết cho em được hưởng khoản chi hỗ trợ của Chương trình 19. Em (hoặc gia đình tôi) xin cam kết:

.....

.....

Người viết đơn
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Xác nhận của trưởng thôn, bản hoặc tổ dân phố

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ CỦA UBND XÃ .....

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ CỦA PHÒNG LAO ĐỘNG -THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Đề nghị chi hỗ trợ cho em ..... số tiền ..... đồng, gồm:

.....

.....

Thủ trưởng cơ quan

(Ký tên, đóng dấu)

(A3)